

Số: *127* /2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày *30* tháng *6* năm 2026

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế và xây dựng
các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế và xây dựng các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế và xây dựng các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân - QCVN 13:2026/BCA.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở giam giữ được đầu tư xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hạng mục công trình thuộc cơ sở giam giữ đã đầu tư xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải nâng cấp, cải tạo, sửa chữa để phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và doanh trại có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để được hướng dẫn kịp thời. *Đã báo*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, H02.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 13:2026/BCA

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ GIAM GIỮ
TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

**National Technical Regulation on the Design and Construction of
Detention Facilities of the People's Public Security**

Hà Nội - 2026

MỤC LỤC

1. QUY ĐỊNH CHUNG	4
1.1. Phạm vi điều chỉnh	4
1.2. Đối tượng áp dụng	4
1.3. Giải thích từ ngữ	4
1.4. Tài liệu viện dẫn	4
2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT	6
2.1. Yêu cầu chung về thiết kế và xây dựng	6
2.2. Yêu cầu về lựa chọn vị trí xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng	7
2.3. Yêu cầu về kiến trúc và hoàn thiện	9
2.4. Yêu cầu về kết cấu và vật liệu xây dựng	11
2.5. Yêu cầu về hệ thống kiểm soát an ninh	12
2.6. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ	12
2.7. Yêu cầu về hệ thống cảnh báo, báo động	12
2.8. Yêu cầu về hệ thống thông tin liên lạc	13
2.9. Yêu cầu về hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh	13
2.10. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ xét xử trực tuyến	13
2.11. Yêu cầu về hệ thống cấp, thoát nước	14
2.12. Yêu cầu về hệ thống cấp điện, chiếu sáng, chống sét	14
2.13. Yêu cầu về hệ thống thông gió, điều hoà không khí	15
2.14. Yêu cầu về hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn	15
2.15. Yêu cầu về hệ thống phòng cháy và chữa cháy	16
3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	16
4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	17
5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	17

Lời nói đầu

QCVN 13:2026/BCA do Cục Quản lý xây dựng và doanh trại biên soạn, trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến, Bộ trưởng Bộ Công an thẩm định và ban hành theo Thông tư số 127/2026/TT-BCA ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
CÁC CƠ SỞ GIAM GIỮ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

National Technical Regulation on the Design and Construction of Detention
Facilities of the People's Public Security

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định về các mức giới hạn, đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý phải tuân thủ trong thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân (sau đây gọi tắt là cơ sở giam giữ).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Người bị giam giữ là tên gọi chung dùng để chỉ người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân tại cơ sở giam giữ.

1.3.2. Cơ sở giam giữ bao gồm trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam, buồng tạm giữ của Công an đặc khu.

1.3.3. Hạng mục công trình là bộ phận của công trình, có chức năng riêng biệt, có thể thi công xây dựng và vận hành độc lập.

1.3.4. Nhà giam là tên gọi chung dùng để chỉ các loại nhà thuộc cơ sở giam giữ, có chức năng chính là giam giữ người bị giam giữ.

1.3.5. Buồng giam là không gian bên trong nhà giam, trực tiếp sử dụng để giam giữ người bị giam giữ.

1.3.6. Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật khu vực là kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc phân trại tạm giam.

1.4. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu được viện dẫn dưới đây là cần thiết cho việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này. Đối với tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất.

QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

QCVN 07-1:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước;

QCVN 07-2:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;

QCVN 07-5:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;

QCVN 07-7:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng;

QCVN 07-9:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng;

QCVN 16:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người;

QCVN 07:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Ngưỡng chất thải nguy hại;

QCVN 10:2025/BCA - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình;

QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

QCVN 30:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Lò đốt chất thải;

QCVN 96:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bãi chôn lấp chất thải rắn;

QCVN 98:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ;

QCVN 13:2026/BCA

QCVN 11:2026/BCA - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet - Các yêu cầu an ninh mạng cơ bản;

TCVN 4319:2012 - Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

TCVN 4601:2012 - Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế;

TCVN 5573:2012 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động;

TCVN 5687: 2024 - Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu thiết kế;

TCVN 9386-1:2025 - Thiết kế kết cấu chịu động đất - Phần 1: Quy định chung, tác động động đất và quy định cho nhà;

TCVN 9386-5:2025 - Thiết kế kết cấu chịu động đất - Phần 5: Nền móng, kết cấu chắn và các vấn đề địa kỹ thuật;

TCVN 14423:2025 - An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng;

Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9888:2013 (ISO 62350) - Bảo vệ chống sét;

Các nội dung khác thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu chung về thiết kế và xây dựng

2.1.1. Thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ phải kiên cố, vững chắc, đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ, phù hợp với quy mô giam giữ, đặc điểm vùng miền, khí hậu và quy hoạch xây dựng, quy hoạch và định mức sử dụng đất an ninh, hệ thống mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành theo hướng công trình xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.1.2. Thời hạn sử dụng theo thiết kế (tuổi thọ thiết kế) của nhà giam không dưới 50 năm đối với các trường hợp xây dựng mới toàn bộ hoặc xây dựng mới một phần mà trước đó chưa đầu tư xây dựng, không dưới 25 năm đối với các trường hợp còn lại.

2.1.3. Tiêu chuẩn diện tích

2.1.3.1. Tiêu chuẩn diện tích phục vụ làm việc, sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân quy định tại Nghị định số 05/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2026.

2.1.3.2. Tiêu chuẩn diện tích chỗ nằm tối thiểu của người bị giam giữ trừ người bị giam giữ là người chưa thành niên, người bị giam giữ là phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi ở cùng: 02m².

2.1.3.3. Tiêu chuẩn diện tích chỗ nằm tối thiểu của người bị giam giữ là người chưa thành niên: 2,5m².

2.1.3.4. Tiêu chuẩn diện tích chỗ nằm tối thiểu đối với người bị giam giữ là phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi ở cùng: 03m².

2.1.3.5. Tiêu chuẩn các loại diện tích khác đối với người bị giam giữ theo quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và yêu cầu sử dụng.

2.1.4. Quy mô, cơ cấu, số lượng hạng mục công trình phải đảm bảo áp dụng tối đa hệ thống mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành. Hạng mục công trình có mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành, nếu điều kiện xây dựng cho phép thì phải áp dụng mẫu.

2.1.5. Quy mô, cơ cấu, số lượng nhà giam, buồng giam phải đáp ứng yêu cầu phân loại đối tượng theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam, nếu giải pháp phân loại bằng nhà không phù hợp với điều kiện xây dựng thì phân loại bằng buồng, không xây dựng nhà giam có quy mô dưới 15 chỗ/01 nhà, trừ trường hợp nhà giam người bị kết án tử hình, nhà kỷ luật.

2.2. Yêu cầu về lựa chọn vị trí xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng

2.2.1. Lựa chọn vị trí có giao thông thuận lợi, điều kiện địa chất, khí hậu, thủy văn tốt, địa hình tương đối cao và bằng phẳng; thuận tiện cho hoạt động tổ tụng hình sự và hoạt động khác có liên quan theo quy định của pháp luật; tránh khu vực thương mại sầm uất, đông dân cư, xung quanh các tòa nhà cao tầng, gần nguồn ô nhiễm, tiếng ồn, khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập úng và khu vực lưu trữ vật liệu dễ cháy, nổ.

2.2.2. Quy hoạch tổng mặt bằng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

2.2.2.1. Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

2.2.2.2. Quy hoạch tổng mặt bằng phải quy hoạch tổng thể toàn bộ các hạng mục công trình theo quy mô giam giữ được phê duyệt. Trường hợp đầu tư xây dựng theo nhiều giai đoạn phải phân kỳ đầu tư hợp lý, có sự kết nối giữa các giai đoạn, có khả năng nâng cấp, mở rộng, hạn chế tối đa việc phá dỡ hoặc cải tạo, sửa chữa lớn ở các giai đoạn sau.

2.2.2.3. Danh mục hạng mục công trình thuộc cơ sở giam giữ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục và quản lý các hạng mục công trình xây dựng trại tạm giam, phân trại tạm giam, buồng tạm giữ trong Công an

nhân dân, được phép hợp khối trung tâm chỉ huy điều hành với nhà làm việc; nhà thăm gặp với nhà cổng trại; nhà giam riêng với nhà kỷ luật; nhà y tế với nhà điều trị cách ly; nhà để xe hai bánh với nhà để xe ô tô; kho tổng hợp với kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2.2.2.4. Phân khu chức năng rõ ràng, phù hợp với mục đích sử dụng và mô hình quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống thông cung, phân loại, bóc tách, giáo dục cải tạo người bị giam giữ, việc tiếp cận của lực lượng chức năng khi có tình huống đột xuất.

2.2.2.5. Phương án tổ chức giao thông nội bộ đảm bảo hạn chế tối đa việc giao cắt luồng di chuyển giữa người bị giam giữ và cán bộ, chiến sĩ; người bị giam giữ và thân nhân, khách đến làm việc; người bị giam giữ và luồng nhập, xuất hàng hóa, vật tư, trang thiết bị.

2.2.2.6. Khu vực giam giữ chỉ có 01 lối ra vào trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định. Chiều cao, khoảng cách giữa các hạng mục công trình trong khu vực giam giữ, phải đáp ứng yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, chiếu sáng, thông gió, tầm quan sát của cán bộ.

2.2.2.7. Tường rào bảo vệ, hàng rào cấm, hàng rào phân khu được bố trí theo lớp, khoảng cách từ tường rào bảo vệ đến hàng rào cấm, từ hàng rào phân khu đến hạng mục công trình bên trong tối thiểu 3,0m. Khu vực nằm giữa tường rào bảo vệ và hàng rào cấm không có chướng ngại vật, không xây dựng hạng mục công trình, lắp đặt trang thiết bị hoặc trồng cây cao.

2.2.2.8. Trung tâm chỉ huy điều hành phải bố trí tại vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, phân tích hình ảnh, cập nhật, lưu trữ, truyền dẫn và khai thác thông tin, dữ liệu bảo vệ an ninh, an toàn trại tạm giam.

2.2.2.9. Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật khu vực phải có đường ra, vào thuận tiện cho việc nhập, xuất, bảo quản vật chứng, tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và giải quyết tin báo, tố giác tội phạm.

2.2.2.10. Hạng mục công trình phục vụ xét xử trực tuyến bố trí gần phía cổng ra vào khu vực giam giữ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử.

2.2.2.11. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí và thể dục, thể thao phải đảm bảo cán bộ quan sát trực tiếp được mọi diễn biến hành vi của người bị giam giữ.

2.2.2.12. Nhà chờ thăm gặp phải bố trí tại vị trí thuận tiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thăm gặp, tiếp xúc người bị giam giữ theo quy định của pháp luật.

2.2.2.13. Hệ thống cây xanh, mặt nước, cảnh quan được bố trí theo hướng tạo môi trường sống phù hợp, bảo vệ quyền con người, không gây căng thẳng

tâm lý nhưng phải đảm bảo không tạo thành vật cản đối với hệ thống kiểm soát an ninh, đèn chiếu sáng bảo vệ, không để người bị giam giữ lợi dụng để bỏ trốn hoặc vi phạm nội quy.

2.3. Yêu cầu về kiến trúc và hoàn thiện

2.3.1. Tuân thủ Thông tư số 60/2026/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục và quản lý các hạng mục công trình xây dựng trại tạm giam, phân trại tạm giam, buồng tạm giữ trong Công an nhân dân. Phương án thiết kế phải tận dụng tối đa chiếu sáng, thông gió tự nhiên, hợp vệ sinh môi trường, thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, phòng ngừa nguy cơ người bị giam giữ phá hoại, tháo dỡ, tận dụng làm công cụ gây thương tích, tự gây thương tích hoặc tự sát.

2.3.2. Các hạng mục công trình phục vụ làm việc, sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ tuân thủ TCVN 4319:2012, TCVN 4601:2012 và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

2.3.3. Kho tổng hợp và Kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

2.3.4. Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật khu vực theo mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành, phù hợp với quy mô giam giữ của phân trại tạm giam.

2.3.5. Các hạng mục công trình phục vụ quản lý, nuôi dưỡng, huấn luyện động vật nghiệp vụ phải tuân thủ Thông tư số 12/2021/TT-BCA ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức, trang bị, quản lý, nuôi dưỡng, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ trong Công an nhân dân được sửa đổi một số điều theo Thông tư số 52/2025/TT-BCA.

2.3.6. Các hạng mục công trình phục vụ luyện tập thể dục, thể thao cho cán bộ, chiến sĩ phải phù hợp với quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BCA ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về hoạt động, định mức vật chất bảo đảm nhu cầu văn hóa tinh thần và rèn luyện thể chất của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 53/2024/TT-BCA và Thông tư số 07/2026/TT-BCA.

2.3.7. Các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ giam giữ người bị giam giữ, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

2.3.7.1. Bên ngoài thiết kế đơn giản, bằng phẳng, không có chi tiết trên tường lồi ra quá 60mm. Đường ống thoát nước mái bên ngoài phải có biện pháp chống leo trèo.

2.3.7.2. Thang sửa chữa, lối kỹ thuật bố trí tại các khu vực dành riêng cho cán bộ, nếu bố trí ở khu vực khác phải có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ.

2.3.7.3. Cầu thang có chiều rộng lối đi tối thiểu 1,2m (trừ cầu thang lên tầng lửng), chiều rộng mặt bậc thang 0,28 - 0,32m, chiều cao bậc thang 0,15 - 0,18m. Hành lang giữa có chiều rộng 2,1 - 3,0m. Hành lang bên có chiều rộng 1,8 - 2,4m và phải lắp đặt khung lưới kim loại cao từ mặt lan can đến đáy dầm phía trên lan can, cấu tạo khung lưới kim loại theo mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành.

2.3.7.4. Buồng giam có chiều cao 3,6 - 3,9m, trường hợp có sàn lửng buồng giam có chiều cao tối đa 5,2m. Buồng giam bố trí theo dãy, sử dụng hành lang bên, bên trong hạn chế các chi tiết góc cạnh, không bố trí vật dụng sắc nhọn, không có góc khuất và điểm mù quan sát, không có sự chênh lệch độ cao, đảm bảo tầm quan sát trực tiếp của cán bộ và hệ thống giám sát hình ảnh cả ngày lẫn đêm.

2.3.7.5. Chỗ nằm cho người bị giam giữ sử dụng kiểu bệ nằm hoặc giường cá nhân, đảm bảo diện tích chỗ nằm tối thiểu theo khoản 2.1.3 Quy chuẩn kỹ thuật này. Chỗ nằm trong buồng giam người bị kết án tử hình, buồng kỷ luật người bị giam giữ phải có lỗ để bỏ và lắp đặt cùm chân theo quy định của Bộ Công an.

2.3.7.6. Bệ nằm trong buồng giam người bị kết án tử hình, buồng kỷ luật có chiều cao 0,4m tính từ mặt nền, sàn. Các trường hợp còn lại có chiều cao 0,3m tính từ mặt nền, sàn. Mặt bệ nằm có cấu tạo lớp bê tông dày 80 - 100mm, bê tông có cường độ B15.

2.3.7.7. Giường cá nhân sử dụng giường Inox hoặc giường sắt sơn tĩnh điện, được cố định chắc chắn vào nền, sàn và tường, đảm bảo không thể tháo rời hay di chuyển được và không sử dụng giường tầng. Khoảng cách giữa 02 giường trong một dãy giường 0,4 - 0,6m. Khoảng cách giữa các dãy giường 0,9 - 1,2m.

2.3.7.8. Lối ra vào khu vực buồng giam có cửa bảo vệ bằng kim loại, đảm bảo từ ngoài nhà vào buồng hoặc từ buồng ra ngoài nhà phải qua 02 lớp cửa đi. Nhà có từ 02 tầng trở lên, lối lên xuống mỗi tầng phải có cửa, rào chắn hành lang, cầu thang bằng kim loại, cấu tạo cửa, rào chắn theo mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành.

2.3.7.9. Phòng trực quản giáo bên trong nhà giam (nếu có) phải có lối ra vào riêng, bố trí gần lối ra vào khu vực buồng giam, cự ly từ phòng trực quản giáo đến buồng giam phải đảm bảo thời gian từ khi cán bộ tiếp nhận thông tin đến khi tiếp cận buồng giam không quá 02 phút, phòng trực quản giáo có khu vệ sinh khép kín và được trang bị 01 chậu rửa và 01 bệ xí/01 phòng.

2.3.7.10. Buồng giam có khu vệ sinh khép kín thông thoáng, có ánh sáng tự nhiên, ngăn cách với chỗ nằm bằng tường, vách. Buồng có quy mô từ 02 chỗ

trở xuống có 01 bệ xí/01 buồng, từ 03 - 05 chỗ có 02 bệ xí/01 buồng, từ 06 chỗ trở lên áp dụng định mức 05 người/01 bệ xí/01 buồng, tối thiểu 02 bệ xí/01 buồng. Việc sử dụng bể chứa nước trong khu vệ sinh, bệ xí là bồn cầu Inox liền khối thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

2.3.7.11. Nền, sàn hoàn thiện bằng vật liệu chống trơn trượt, chịu mài mòn và dễ vệ sinh. Nền buồng giam có cấu tạo lớp bê tông cốt thép dày 100mm, bê tông có cường độ B15. Nền, sàn buồng tạm giữ của Công an đặc khu, nhà giam tạo phẳng, sơn Epoxy. Nền, sàn các hạng mục công trình còn lại lát gạch Ceramic hoặc Granite.

2.3.7.12. Tường, cột, dầm, trần trát vữa xi măng trừ tường bê tông cốt thép lắp ghép, lăn sơn trực tiếp, màu sơn sáng.

2.3.7.13. Nhà giam có kho để tư trang và phòng phơi đồ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người bị giam giữ.

2.3.7.14. Khu vực Nhà giam được bố trí chỗ tập kết, phân chia đồ dùng cấp phát theo chế độ (cơm, canh, nước uống và những đồ dùng khác) có mái che.

2.3.8. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí và thể dục, thể thao cho người bị giam giữ thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ đối với người bị giam giữ.

2.4. Yêu cầu về kết cấu và vật liệu xây dựng

2.4.1. Yêu cầu về kết cấu

2.4.1.1. Tuân thủ TCVN 2737:2023, TCVN 9386-1:2025, TCVN 9386-5:2025, TCVN 5574:2018, TCVN 5573:2012 và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

2.4.1.2. Kết cấu chịu lực của nhà sử dụng kết cấu móng, khung, sàn bê tông cốt thép đổ tại chỗ hoặc lắp ghép.

2.4.1.3. Tường bao che nhà giam và tường bao quanh buồng giam sử dụng tường bê tông cốt thép đổ tại chỗ hoặc lắp ghép. Tường, vách trong buồng giam được sử dụng tường bê tông cốt thép đổ tại chỗ hoặc lắp ghép, tường bê tông cốt thép kết hợp xây gạch (chiều cao phần tường bê tông cốt thép tối thiểu 1,8m), tường xây gạch, vách kính an toàn, vách nhựa cứng trong suốt.

2.4.2. Yêu cầu về vật liệu xây dựng

2.4.2.1. Tuân thủ QCVN 16:2023/BXD.

2.4.2.2. Bê tông của kết cấu chịu lực có cường độ B20 (hoặc B22,5 với công trình gần biển).

2.4.2.3. Cốt thép bê tông sử dụng thép CB240-T đối với thép có đường kính dưới 10mm, sử dụng thép CB300-V đối với thép có đường kính từ 10mm trở

QCVN 13:2026/BCA

lên. Cốt thép nền buồng giam có đường kính tối thiểu 8mm, khoảng cách cốt thép hai chiều tối đa 200mm.

2.4.2.4. Vữa xây, trát, lát, láng sử dụng vữa xi măng mác 75 - 100.

2.4.2.5. Gạch xây tường nhà giam sử dụng gạch đặc, đất sét nung mác 75. Gạch xây tường các hạng mục công trình còn lại sử dụng gạch đất sét nung hoặc gạch không nung mác 75.

2.4.2.6. Gạch lát nền, ốp tường sử dụng gạch Ceramic hoặc Granite.

2.4.2.7. Sơn nền nhà, tường khu vực vệ sinh trong phòng giam sử dụng sơn Epoxy. Sơn tường, cột, dầm, trần sử dụng sơn nước.

2.5. Yêu cầu về hệ thống kiểm soát an ninh

2.5.1. Tuân thủ Thông tư số 124/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về hệ thống camera giám sát tại trại giam, trại tạm giam, buồng tạm giữ, cơ sở cai nghiện, cơ sở lưu trú, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng trong Công an nhân dân và Thông tư số 41/2026/TT-BCA ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân.

2.5.2. Cấu hình, số lượng, chủng loại trang thiết bị kiểm soát an ninh đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ và khả năng tích hợp, dễ bảo trì, nâng cấp, mở rộng, đồng bộ với các hệ thống đã được đầu tư, trang bị ở giai đoạn trước. Việc sử dụng thiết bị kiểm soát an ninh thông minh, ứng dụng AI thực hiện theo yêu cầu nghiệp vụ của Bộ Công an.

2.6. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ

2.6.1. Tuân thủ Thông tư số 41/2026/TT-BCA ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân.

2.6.2. Cấu hình, số lượng, chủng loại trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ, bảo quản vật chứng, tài liệu, đồ vật và khả năng tích hợp, dễ bảo trì, nâng cấp, mở rộng, đồng bộ với các hệ thống đã được đầu tư, trang bị ở giai đoạn trước.

2.7. Yêu cầu về hệ thống cảnh báo, báo động

2.7.1. Hệ thống cảnh báo, báo động đảm bảo hoạt động thường xuyên, ổn định, chính xác, liên tục có nguồn điện dự phòng, phương án vận hành trong trường hợp khẩn cấp, sự cố.

2.7.2. Hệ thống được kết nối tập trung quản lý tại trung tâm điều khiển, phân vùng khu vực chức năng và được kết nối đồng bộ với các hệ thống kỹ thuật

khác như hệ thống kiểm soát an ninh, hệ thống báo cháy, hệ thống cảnh báo khẩn cấp.

2.7.3. Cấu hình hệ thống, số lượng cảm biến, đầu báo, nút ấn, chủng loại trang thiết bị phải đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ, bảo quản vật chứng, tài liệu, đồ vật, dễ dàng thực hiện báo động tự động, báo động thủ công khi xảy ra tình huống mất an ninh, an toàn.

2.8. Yêu cầu về hệ thống thông tin liên lạc

2.8.1. Tuân thủ TCVN 14423:2025.

2.8.2. Hệ thống phải đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục có nguồn điện dự phòng, phương án vận hành trong trường hợp khẩn cấp, sự cố.

2.8.3. Hệ thống thông tin liên lạc phải đảm bảo kết nối thông suốt, rõ ràng, ổn định giữa trung tâm điều khiển và các phân khu chức năng, đảm bảo an toàn mạng, chống xâm nhập can thiệp hệ thống, có khả năng nâng cấp hệ thống khi nhu cầu sử dụng tăng, có khả năng đồng bộ, kết nối với các hệ thống kỹ thuật khác theo yêu cầu nghiệp vụ.

2.8.4. Hệ thống phải đảm bảo tách biệt giữa liên lạc nội bộ phục vụ quản lý và điều hành, liên lạc phục vụ giam giữ, liên lạc với bên ngoài.

2.9. Yêu cầu về hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh

2.9.1. Hệ thống phải đảm bảo ghi nhận hình ảnh đầy đủ, rõ nét và âm thanh rõ ràng, không bị nhiễu, âm thanh và hình ảnh không bị lệch nhau tại các khu vực phục vụ công tác quản lý, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định.

2.9.2. Hệ thống dữ liệu ghi âm, ghi hình phải đảm bảo lưu trữ dữ liệu liên tục. Thời gian lưu trữ tối thiểu, khả năng sao lưu dữ liệu, biện pháp bảo mật, chống phá hoại dữ liệu thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Việc truyền tải âm thanh, hình ảnh qua Internet (nếu có) phải được mã hóa đường truyền, đảm bảo tính toàn vẹn và yêu cầu bảo mật dữ liệu với TLS tối thiểu 1.2.

2.9.3. Trường hợp sử dụng thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet phải tuân thủ QCVN 11:2026/BCA.

2.10. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ xét xử trực tuyến

2.10.1. Hệ thống phải đảm bảo kết nối ổn định, độ trễ thấp, hình ảnh và âm thanh rõ ràng, đồng bộ với hệ thống xét xử trực tuyến của các bên có liên quan khi thực hiện phiên tòa trực tuyến.

2.10.2. Hệ thống phải có phương án dự phòng sự cố, phương án đảm bảo an ninh, an toàn, chống can thiệp xâm nhập trái phép làm ảnh hưởng, thay đổi hình ảnh và âm thanh trong quá trình thực hiện xét xử trực tuyến. Việc truyền

QCVN 13:2026/BCA

tải âm thanh, hình ảnh qua Internet (nếu có) phải được mã hóa đường truyền, đảm bảo tính toàn vẹn và yêu cầu bảo mật dữ liệu với TLS tối thiểu 1.2.

2.10.3. Trường hợp sử dụng thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet phải tuân thủ QCVN 11:2026/BCA.

2.11. Yêu cầu về hệ thống cấp, thoát nước

2.11.1. Yêu cầu về hệ thống cấp nước

2.11.1.1. Tuân thủ QCVN 07-1:2023/BXD.

2.11.1.2. Hệ thống cấp nước phải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước theo tiêu chuẩn tại Nghị định số 05/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

2.11.1.3. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải đáp ứng QCVN 01-1:2024/BYT.

2.11.1.4. Đường ống, van và phụ kiện cấp nước làm từ vật liệu chống ăn mòn. Van, khóa cấp nước bố trí bên ngoài buồng giam để thuận tiện cho việc quản lý và phòng, chống thông cung, trường hợp bố trí bên trong buồng giam phải có giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ.

2.11.2. Yêu cầu về hệ thống thoát nước

2.11.2.1. Tuân thủ QCVN 07-2:2023/BXD.

2.11.2.2. Hệ thống thoát nước được sử dụng kiểu thoát nước chung, thoát nước riêng hoặc thoát nước hỗn hợp tùy thuộc vào điều kiện địa hình, đặc điểm thời tiết, khí hậu của địa phương, trên cơ sở phải so sánh các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

2.11.2.3. Tuyến cống thoát nước đi qua tường rào bảo vệ thoát ra ngoài khu vực giam giữ phải có song chắn bằng kim loại không gỉ với kích thước phù hợp để ngăn chặn người bị giam giữ lợi dụng bỏ trốn. Đường ống thoát nước mưa từ mái nhà cổng trại, chòi gác phải thiết kế âm tường hoặc bố trí phía ngoài tường rào bảo vệ.

2.12. Yêu cầu về hệ thống cấp điện, chiếu sáng, chống sét

2.12.1. Yêu cầu về hệ thống cấp điện

2.12.1.1. Tuân thủ QCVN 07-5:2023/BXD.

2.12.1.2. Nguồn cấp điện cho hệ thống lưới điện cao áp bảo vệ, chiếu sáng đường tuần tra, chiếu sáng khu vực phòng giam, phòng điều khiển trung tâm, phòng kiểm soát an ninh, phòng trực cán bộ, kho vật chứng và tài liệu, đồ vật khu vực, chòi gác, vọng gác và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải cấp từ nguồn ưu tiên hoặc tải điện thiết yếu, đảm bảo duy trì chiếu sáng ổn định trong mọi

tình huống, đảm bảo hệ thống điện dự phòng để vận hành hệ thống kể cả khi mất điện lưới.

2.12.1.3. Hệ thống đường dây dẫn điện cần thiết kế độc lập với các hệ thống kỹ thuật khác để dễ dàng thay thế, sửa chữa.

2.12.1.4. Tủ phân phối điện cho buồng giam, buồng ở phải đặt bên ngoài. Tủ phân phối điện cho buồng giam, buồng điều trị, buồng truyền dịch, buồng có người bị giam giữ lưu trú tạm thời và phòng làm việc của cán bộ phải bố trí riêng biệt.

2.12.2. Yêu cầu về hệ thống chiếu sáng

2.12.2.1. Tuân thủ QCVN 07-7:2023/BXD.

2.12.2.2. Hệ thống chiếu sáng cảnh giới bao quanh có đèn cảnh báo bên trong tường rào bảo vệ, bên ngoài tường rào bảo vệ, đường tuần tra và đèn chiếu sáng tìm kiếm tại khu vực chòi gác, nơi cần thiết ngoài trời, liên kết với hệ thống giám sát hình ảnh, hàng rào chống leo trèo và lưới điện cao áp để đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn trong tình huống khẩn cấp; đèn chiếu sáng ngoài trời phải có khả năng xuyên sương tốt, dễ khởi động.

2.12.2.3. Phương án lắp đặt đèn chiếu sáng bên trong buồng giam phải có giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn giam giữ, theo mẫu thiết kế xây dựng do Bộ Công an ban hành, nếu không thể áp dụng mẫu được sử dụng đèn ốp trần có lưới bảo vệ. Công tắc chiếu sáng và ổ cắm điện không lắp đặt bên trong buồng giam, trường hợp lắp đặt bên trong buồng giam phải có hộp bảo vệ an toàn.

2.12.3. Yêu cầu về hệ thống chống sét

Hệ thống chống sét trực tiếp, hệ thống chống sét lan truyền tuân thủ Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9888:2013 (ISO 62350).

2.13. Yêu cầu về hệ thống thông gió, điều hoà không khí

2.13.1. Tuân thủ TCVN 5687: 2024.

2.13.2. Hệ thống thông gió và cấp khí tươi chủ động được thiết lập khi không có giải pháp khác đảm bảo môi trường sống và sức khỏe của người bị giam giữ. Buồng giam, buồng điều trị, buồng truyền dịch, buồng có người bị giam giữ lưu trú tạm thời được sử dụng quạt trần có trang bị lưới bảo vệ.

2.14. Yêu cầu về hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn

2.14.1. Yêu cầu về hệ thống xử lý nước thải

2.14.1.1. Tuân thủ QCVN 07-2:2023/BXD, QCVN 98:2025/BNNMT.

QCVN 13:2026/BCA

2.14.1.2. Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý phải đáp ứng theo QCVN 98:2025/BNMT và QCVN 14:2025/BNMT.

2.14.1.3. Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động y tế của cơ sở giam giữ phải được thu gom riêng, xử lý tại nguồn hoặc thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng được cấp phép để xử lý theo quy định.

2.14.2. Yêu cầu về hệ thống thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn

2.14.2.1. Tuân thủ QCVN 07-9:2023/BXD, QCVN 30:2025/BNMT, QCVN 96:2025/BNMT, QCVN 07:2025/BNMT, QCVN 01:2025/BNMT.

2.14.2.2. Chất thải nguy hại (bao gồm cả chất thải y tế có thành phần nguy hại từ hoạt động y tế của cơ sở giam giữ) phải được thu gom, phân loại, quản lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp cơ sở giam giữ không thể tiếp cận được dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn tại địa bàn nơi đóng quân, được phép đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải sinh hoạt tại chỗ (bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, lò đốt chất thải rắn sinh hoạt).

2.15. Yêu cầu về hệ thống phòng cháy và chữa cháy

2.15.1. Tuân thủ QCVN 06:2022/BXD, Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD, QCVN 10:2025/BCA (không áp dụng đối với Nhà giam).

2.15.2. Nhà giam không yêu cầu trang bị hệ thống phòng cháy và chữa cháy. Căn cứ đặc điểm, diện tích, kết cấu, vật liệu cháy và khoảng cách đến công trình lân cận để bố trí bình chữa cháy xách tay, hòng nước chữa cháy đặt bên ngoài nhà, thiết lập thiết bị hoặc hệ thống báo động, cảnh báo cháy bên ngoài buồng giam.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Hoạt động thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.

3.2. Công bố hợp quy

3.2.1. Trước khi đưa cơ sở giam giữ vào vận hành, sử dụng, các thành phần quy định tại khoản 2.4.2 Quy chuẩn kỹ thuật này, các thành phần và bộ phận cấu thành của các hệ thống quy định tại các khoản 2.11, 2.12.1, 2.12.2, 2.14.2.15 Quy chuẩn kỹ thuật này phải được công bố hợp quy theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15; Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố

hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3.2.2. Phương thức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ phải nghiên cứu, thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và phổ biến Quy chuẩn kỹ thuật này đến các tổ chức, nhân viên dưới quyền để thực hiện.

4.2. Trong quá trình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ phản ánh về Cục Quản lý xây dựng và doanh trại để được hướng dẫn, xử lý, giải quyết kịp thời.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại chủ trì, Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng phối hợp tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này cho các đối tượng có liên quan, kiểm tra sự tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật này trong thiết kế và xây dựng cơ sở giam giữ.

5.2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản mới. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an./.